

THÔNG BÁO

Về việc điều chỉnh, bổ sung ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Căn cứ Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2099/QĐ-BGDĐT ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ đại học, cao đẳng năm 2025;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy của Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 83/QĐ-ĐHH ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Giám đốc Đại học Huế về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học hệ chính quy Đại học Huế năm 2025 (HĐTS);

Căn cứ Thông báo số 16/TB-HĐTSDH ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch HĐTS về việc công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào tuyển sinh đại học hệ chính quy năm 2025;

HĐTS Đại học Huế thông báo các nội dung sau:

1. Bổ sung bảng quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa phương thức sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội và Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh với các phương thức khác của Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế (*File chi tiết đính kèm*).

2. Điều chỉnh, bổ sung ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào các ngành đào tạo đại học hệ chính quy của Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế theo bảng:

Số TT	Tên trường, Ngành học	Mã ngành	Điểm sàn của các phương thức (không nhân hệ số)				
			THPT	Học bạ	ĐGNL ĐHQG TP HCM (Thang điểm 1200)	ĐHSP HÀ NỘI (Thang điểm 30)	ĐHSP TP HCM (Thang điểm 30)
			(Thang điểm 30)	(Thang điểm 30)			
	TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM – Ký hiệu trường DHS						
1	Giáo dục Mầm non	7140201	19,00			15,55	14,30
2	Giáo dục Tiểu học	7140202	19,50		780	16,30	14,80
3	Giáo dục Tiểu học (Đào tạo bằng Tiếng Anh)	7140202TA	19,50		780	16,30	14,80
4	Giáo dục công dân	7140204	19,50		780	16,30	14,80
5	Giáo dục Chính trị	7140205	19,50		780	16,30	14,80
6	Giáo dục Quốc phòng – An ninh	7140208	19,50		780	16,30	14,80
7	Giáo dục pháp luật	7140248	19,50		780	16,30	14,80

Số TT	Tên trường, Ngành học	Mã ngành	Điểm sàn của các phương thức (không nhân hệ số)				
			THPT	Học bạ	ĐGNL ĐHQG TPHCM (Thang điểm 1200)	ĐHSP HÀ NỘI (Thang điểm 30)	ĐHSP TPHCM (Thang điểm 30)
			(Thang điểm 30)	(Thang điểm 30)			
8	Sư phạm Toán học	7140209	20,00		800	16,95	15,20
9	Sư phạm Toán học (Đào tạo bằng Tiếng Anh)	7140209TA	20,00		800	16,95	15,20
10	Sư phạm Tin học	7140210	19,50		780	16,30	14,80
11	Sư phạm Vật lý	7140211	19,50		780	16,30	14,80
12	Sư phạm Hóa học	7140212	19,50		780	16,30	14,80
13	Sư phạm Sinh học	7140213	19,50		780	16,30	14,80
14	Sư phạm Ngữ văn	7140217	21,00		840	18,30	16,10
15	Sư phạm Lịch sử	7140218	19,50		780	16,30	14,80
16	Sư phạm Địa lý	7140219	19,50		780	16,30	14,80
17	Sư phạm Âm nhạc	7140221	18,00			14,30	13,40
18	Sư phạm Công nghệ	7140246	19,00		760	15,55	14,30
19	Sư phạm Khoa học tự nhiên	7140247	19,50		780	16,30	14,80
20	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	7140249	19,50		780	16,30	14,80
21	Tâm lý học giáo dục	7310403	18,00	20,25	720	14,30	13,40
22	Hệ thống thông tin	7480104	15,00	18,00	600	10,47	10,20

Ghi chú: Việc xác định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào đối với tổ hợp xét tuyển khi sử dụng kết quả một bài thi/môn thi của kỳ thi tốt nghiệp THPT kết hợp điểm thi môn năng khiếu để xét tuyển vào các ngành đào tạo giáo viên được xác định là *Điểm một bài thi/môn thi (tính theo thang điểm 10) + (điểm ưu tiên khu vực, đối tượng)*1/3 (làm tròn đến hai chữ số thập phân), tối thiểu bằng ngưỡng ba bài thi/môn thi*1/3 (làm tròn đến hai chữ số thập phân).*

Nơi nhận:

- Thông báo trên các phương tiện thông tin;
- Thành viên HĐTS;
- Các trường đại học thành viên;
- Các trường, khoa và phân hiệu thuộc ĐHH;
- Lưu: VT, ĐTCTSV. LTMH.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

**PHÓ GIÁM ĐỐC
Bùi Văn Lợi**